TÒA ÁN NHÂN DÂN **TX. LONG KHÁNH TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/HS-ST
Ngày: 29/3/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG KHÁNH TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Hoàng Thanh Tâm

2/ Ông Nguyễn Thế Nam

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Quang Trực, Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện VKSND thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 24/2019/HS-ST ngày 01 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo:

A, sinh năm 1995, tại Đồng Nai; Nơi đăng ký thường trú: Khu phố 1, phường T, thị xã K, tỉnh Đồng Nai. Nơi ở: Như trên. Nghề nghiệp: Sửa xe; Trình độ văn hóa: 8/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Hoa; Tôn giáo: Phật giáo. Con ông: U, sinh năm 1970 và bà H, sinh năm 1964. Bị cáo có 01 em, sinh năm 1998. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo A bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 05/11/2018 đến ngày 08/11/2018 bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Xuân Lộc. Hiện nay đang bị tạm giam tại Công an tỉnh Đồng Nai. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Chị D, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Ch, xã V, thị xã K, tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông U, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố 1, phường T, thị xã K, tỉnh Đồng Nai.

2. Chị T, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp R, xã Long G, huyện M, tỉnh Đồng Nai.

3. Anh Lê Thanh Nh, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 2, phường B, thị xã K, tỉnh Đồng Nai.

- *Người làm chứng:* Bà Tr, sinh năm 1939 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 15 phút ngày 28/10/2018, A mượn xe mô tô biển số 60B6-407.06 của chị T đi vào nhà người bạn tại ấp Suối Chồn, xã Bảo Vinh, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai để chơi. Khi đi đến khu vực ngã ba ấp C, xã V, thị xã K, tỉnh Đồng Nai thì gặp chị D điều khiển xe mô tô chở theo sau là bà Tr đi theo chiều ngược lại. Thấy trên cổ chị D đeo sợi dây chuyền bằng vàng nên A nảy sinh ý định cướp giật. A quay đầu xe chạy sát xe chị D, dùng tay phải giật sợi dây chuyền trên cổ chị D rồi tăng ga bỏ chạy. Sợi dây chuyền bị đứt nên A chỉ giật được 01 đoạn dài khoảng 10cm. Sau đó A đem đến tiệm vàng Kim Uyên trên đường V, phường B, thị xã K bán được 700.000 đồng.

Đến ngày 03/11/2018, A tiếp tục thực hiện hành vi cướp giật tài sản tại xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Sau đó, A lên Công an huyện L đầu thú về hành vi phạm tội của mình tại Xuân Lộc, đồng thời tự thú về hành vi phạm tội tại thị xã Long Khánh.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 269/HĐĐGTSTTTHS ngày 14/11/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Long Khánh kết luận: 01 sợi dây chuyền vàng 18k, trọng lượng 2,63 chỉ, có giá trị 6.672.310 đồng.

Về bồi thường dân sự: Gia đình bị cáo A đã bồi thường cho chị D số tiền 6.700.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 15/CT-VKS-HS ngày 27/01/2019, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Khánh đã truy tố bị cáo Vòong Trường A theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung đã khai tại cơ quan điều tra và nội dung Bản cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Cáo trạng truy tố bị cáo A về tội danh, điều luật áp dụng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) tuyên phạt bị cáo An từ 03 năm đến 04 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/11/2018.

Về biện pháp tư pháp: Đã giải quyết xong nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Nội dung vụ án:

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội do mình thực hiện như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, lời khai nhận tội này phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Khoảng 14 giờ 15 phút ngày 28/10/2018, tại ấp C, xã V, thị xã K, tỉnh Đồng Nai, A đã có hành vi sử sụng xe mô tô cướp giật 01 sợi dây chuyền 18k, trọng lượng 2,63 chỉ, trị giá 6.672.310 đồng của chị D.

Qua đó, đủ cơ sở để kết luận bị cáo A phạm tội "Cướp giật tài sản". Bị cáo đã sử dụng xe máy để thực hiện việc cướp giật tài sản của người đang đi trên xe máy. Do vậy, bị cáo phải chịu tình tiết định khung tăng nặng :"Dùng thủ đoạn nguy hiểm". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Khánh truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Do vậy, cần áp dụng một mức án nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội nhằm giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội đồng thời răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét bị cáo đã tự thú về hành vi phạm tội của mình; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường toàn bộ thiệt hại. Ngoài ra, gia đình bị cáo có công với đất nước và người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51-Bộ luật hình sự. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét xét xử bị cáo ở mức dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp.

Đối với xe mô tô biển số 60B6-407.06 là tài sản của chị T. Khi A mượn xe, chị T không biết A dùng vào việc phạm tội. Nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Long Khánh không thu hồi là có cơ sở.

[2]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

[3].Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo A phạm tội "Cướp giật tài sản".

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, 55, 56 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

-Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTTQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử phạt: Bị cáo A 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 03 (ba) năm tù của bản án hình sự số 07/2019/HS-ST ngày 25/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai đã xử phạt bị cáo A về tội "Cướp giật tài sản". Buộc bị cáo A phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là: 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/11/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 23, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo A phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ bản án.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Nơi nhận:
- TA tỉnh ĐN,
- Sở tư pháp tỉnh ĐN,
- VKSND TXLK,
- CA TXLK,
- THA TXLK,
- Trai giam B5,
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ thi hành án
- Lưu HS, AV

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Vũ Thị Thu Trang